

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN
CHỨC DANH: GIÁO SƯ

Mã hồ sơ:



(Nội dung đúng ở ô nào thì đánh dấu vào ô đó: ; Nội dung không đúng thì để trống:)

Đối tượng đăng ký: Giảng viên ; Giảng viên thỉnh giảng

Ngành: **Kinh tế** Chuyên ngành: **Kinh tế học**

A. THÔNG TIN CÁ NHÂN

1. Họ và tên người đăng ký: **TÔ TRUNG THÀNH**

2. Ngày tháng năm sinh: **21/11/1977**; Nam ; Nữ ; Quốc tịch: **Việt Nam**;

Dân tộc: **Kinh**; Tôn giáo: **Không**

3. Đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam:

4. Quê quán: **xã Thanh Văn, huyện Thanh Oai, thành phố Hà Nội**

5. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: **Phòng B1106, chung cư Mulberry Lane, khu đô thị Mỗ Lao, Hà Đông, Hà Nội**

6. Địa chỉ liên hệ: **Phòng B1106, chung cư Mulberry Lane, khu đô thị Mỗ Lao, Hà Đông, Hà Nội**

Điện thoại di động: **0942.399.337**; E-mail: **thanhtt@neu.edu.vn**

7. Quá trình công tác:

- Từ 9/2002 đến 8/2004: **Giảng viên, Khoa Kinh tế học, Trường Đại học Kinh tế Quốc dân**
- Từ 9/2004 đến 12/2007: **Nghiên cứu sinh tại Đại học Birmingham, Vương quốc Anh**
- Từ 1/2008 đến 2/2014: **Giảng viên, Khoa Kinh tế học, Trường Đại học Kinh tế Quốc dân**

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước

- Từ 3/2014 đến 11/2017: **Trưởng Bộ môn Kinh tế vi mô, Khoa Kinh tế học, Trường Đại học Kinh tế Quốc dân**
- Từ 12/2017 đến nay: **Trưởng phòng Quản lý Khoa học, Trường Đại học Kinh tế Quốc dân**

Chức vụ: Hiện nay: **Trưởng phòng**; Chức vụ cao nhất đã qua: **Trưởng phòng**

Cơ quan công tác hiện nay: **Trường Đại học Kinh tế Quốc dân**

Địa chỉ cơ quan: **207 Giải Phóng, Hà Nội**

Điện thoại cơ quan: **024.36.280.280**

Thỉnh giảng tại cơ sở giáo dục đại học (nếu có):

8. Đã nghỉ hưu từ thángnăm

Nơi làm việc sau khi nghỉ hưu (nếu có):

Tên cơ sở giáo dục đại học nơi hợp đồng thỉnh giảng 3 năm cuối (tính đến thời điểm hết hạn nộp hồ sơ):

9. Trình độ đào tạo:

- Được cấp bằng ĐH ngày **3 tháng 8 năm 1999**; số văn bằng: **B117139**; ngành: **Kinh tế**; chuyên ngành: **Thương mại quốc tế**; Nơi cấp bằng ĐH: **Trường Đại học Kinh tế Quốc dân, Việt Nam**
- Được cấp bằng ThS ngày **11 tháng 7 năm 2002**; số văn bằng: **01-127**; ngành: **Kinh tế**; chuyên ngành: **Kinh tế phát triển**; Nơi cấp bằng ThS: **Chương trình Cao học Việt Nam – Hà Lan, phối hợp giữa Trường Đại học Kinh tế Quốc dân và Viện Khoa học Xã hội Hà Lan**
- Được cấp bằng TS ngày **11 tháng 7 năm 2008**; số văn bằng: **636585**; ngành: **Kinh tế**; chuyên ngành: **Kinh tế học**; Nơi cấp bằng TS: **Đại học Birmingham, Vương quốc Anh**
- Được cấp bằng TSKH ngày ... tháng ... năm; số văn bằng:; ngành:; chuyên ngành:; Nơi cấp bằng TSKH (trường, nước):.....

10. Đã được bổ nhiệm/công nhận chức danh PGS: ngày **1 tháng 11 năm 2013**, ngành: **Kinh tế**.

11. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh **Giáo sư** tại HĐGS cơ sở: **Trường Đại học Kinh tế Quốc dân**.

12. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh **Giáo sư** tại HĐGS ngành, liên ngành: **Kinh tế**.

13. Các hướng nghiên cứu chủ yếu:

- **Hướng nghiên cứu 1:** Nghiên cứu về mô hình tăng trưởng kinh tế (cơ cấu, chất lượng, động lực tăng trưởng...) và những vấn đề/thách thức từ quá trình hội nhập kinh tế (cân bằng bên ngoài, các cú sốc...).

Kết quả đào tạo và nghiên cứu khoa học theo hướng nghiên cứu 1 bao gồm:

- Hướng dẫn NCS: Số thứ tự [2] trong mục 4 (1/5 NCS)
- Sách phục vụ đào tạo: Số thứ tự [2], [3], [9], [14], [15], [16], [17], [19], [20], [21] trong mục 5 (10/26 sách)
- Đề tài khoa học: Số thứ tự [3], [7], [9], [12], [15], [16] trong mục 6 (6/16 đề tài)
- Bài báo khoa học: Số thứ tự [1], [7], [9], [13], [14], [17], [18], [20], [22], [23], [24], [26], [27], [28], [38], [44], [45], [46], [50], [51], [53], [54], [56], [57], [58], [61], [62], [63], [66], [68], [69], [71], [72], [78], [83] trong mục 7 (35/89 bài báo)

- **Hướng nghiên cứu 2:** Nghiên cứu đánh giá về các chính sách tài chính tiền tệ và ổn định hệ thống tài chính tiền tệ, nhằm gia tăng hiệu lực chính sách, ổn định kinh tế vĩ mô và lành mạnh tài chính.

Kết quả đào tạo và nghiên cứu khoa học theo hướng nghiên cứu 2 bao gồm:

- Hướng dẫn NCS: Số thứ tự [3], [4] trong mục 4 (2/5 NCS)
- Sách phục vụ đào tạo: Số thứ tự [1], [8], [10], [12], [18], [24] trong mục 5 (6/26 sách)
- Đề tài khoa học: Số thứ tự [1], [2], [6], [8], [10], [11], [13] trong mục 6 (7/16 đề tài)
- Bài báo khoa học: Số thứ tự [5], [6], [8], [10], [11], [12], [31], [35], [36], [37], [40], [41], [52], [55], [59], [60], [64], [65], [67], [70], [76], [77], [81], [82], [84], [85], [86], [87], [88], [89] trong mục 7 (30/89 bài báo)

- **Hướng nghiên cứu 3:** Nghiên cứu về sự phát triển của các doanh nghiệp thuộc các ngành và khu vực khác nhau (chủ yếu thông qua hiệu quả như hiệu quả kỹ thuật, TFP, năng suất lao động...) và các rào cản đối với sự phát triển của doanh nghiệp.

Kết quả đào tạo và nghiên cứu khoa học theo hướng nghiên cứu 3 bao gồm:

- Hướng dẫn NCS: Số thứ tự [1], [5] trong mục 4 (2/5 NCS)
- Sách phục vụ đào tạo: Số thứ tự [4], [5], [6], [7], [11], [13], [22], [23], [25], [26] trong mục 5 (10/26 sách)
- Đề tài khoa học: Số thứ tự [4], [5], [14] trong mục 6 (3/16 đề tài)
- Bài báo khoa học: Số thứ tự [1], [2], [3], [15], [16], [19], [21], [25], [29], [30], [32], [33], [34], [39], [42], [43], [47], [48], [49], [73], [74], [75], [79], [80] trong mục 7 (24/89 bài báo)

14. Kết quả đào tạo và nghiên cứu khoa học:

- Đã hướng dẫn: **05 NCS** bảo vệ thành công luận án TS, trong đó:

- Hướng dẫn chính **02 NCS**
- Hướng dẫn phụ **03 NCS**

- Đã hướng dẫn (số lượng) HVCH/CK2/BSNT bảo vệ thành công luận văn ThS/CK2/BSNT (ứng viên chức danh GS không cần kê khai nội dung này);

- Đã hoàn thành đề tài NCKH từ cấp cơ sở trở lên: **16 đề tài**, trong đó:

- Chủ nhiệm **02 đề tài cấp Nhà nước** (01 đề tài KX01, 01 đề tài NAFOSTED)
- Chủ nhiệm **03 đề tài cấp Bộ và tương đương**
- Chủ nhiệm **06 đề tài cấp Cơ sở**

- Đã công bố **89 bài báo khoa học**, trong đó:

- **20 bài báo khoa học** trên các tạp chí quốc tế có uy tín thuộc danh mục ISI/Scopus (trong đó có **12 bài có IF>2**)
- Là tác giả chính của **12 bài báo khoa học** trên các tạp chí quốc tế có uy tín thuộc danh mục ISI/Scopus

- Đã được cấp: **03** bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích (Chúng nhận đăng ký kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước);

- Số lượng sách đã xuất bản: **26 sách**, tất cả 26 sách đều thuộc nhà xuất bản có uy tín, trong đó:

- Chủ biên **01 giáo trình**
- Chủ biên **05 sách chuyên khảo**
- Đồng chủ biên **06 sách chuyên khảo**

- Số lượng tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu thể dục, thể thao đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế:

15. Khen thưởng (các huân chương, huy chương, danh hiệu):

- Danh hiệu chiến sĩ thi đua cấp Bộ năm 2020 (QĐ số 1377/QĐ-BGDĐT ngày 28/5/2020)
- Giấy khen của Hiệu trưởng ĐH Kinh tế Quốc dân về thành tích xuất sắc trong nghiên cứu khoa học năm học 2013-2014 (QĐ số 1197/QĐ-ĐHKQTĐ ngày 10/10/2014)
- Giấy khen của Hiệu trưởng ĐH Kinh tế Quốc dân về thành tích hướng dẫn sinh viên Nghiên cứu khoa học đạt giải Nhất Giải thưởng Tài năng Khoa học trẻ Việt Nam cấp Trường năm 2013 (QĐ số 727/QĐ-ĐHKQTĐ ngày 22/8/2013)

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước

- Giấy khen của Hiệu trưởng ĐH Kinh tế Quốc dân về thành tích xuất sắc trong nghiên cứu khoa học năm 2011 (QĐ số 592/QĐ-ĐHKTQD ngày 18/7/2012)
- Giấy khen của Hiệu trưởng ĐH Kinh tế Quốc dân về thành tích hướng dẫn sinh viên Nghiên cứu khoa học đạt giải Nhất Giải thưởng Tài năng Khoa học trẻ Việt Nam cấp Trường năm 2011 (QĐ số 892/QĐ-ĐHKTQD/QLKH ngày 6/9/2011)
- Danh hiệu chiến sĩ thi đua cơ sở trong nhiều năm

16. Kỷ luật (hình thức từ khiển trách trở lên, cấp ra quyết định, số quyết định và thời hạn hiệu lực của quyết định): Không

B. TỰ KHAI THEO TIÊU CHUẨN CHỨC DANH GIÁO SƯ/PHÓ GIÁO SƯ

1. Tự đánh giá về tiêu chuẩn và nhiệm vụ của nhà giáo:

Tôi được Trường Đại học Kinh tế Quốc dân tuyển dụng làm giảng viên đại học từ năm 2002, nhận bằng Tiến sĩ Kinh tế học tại Đại học Birmingham (Vương quốc Anh) và được công nhận chức danh Phó Giáo sư năm 2013. Trong suốt thời gian 20 năm qua, với vị trí là một giảng viên đại học, tôi tự đánh giá mình đã có quá trình tu dưỡng phẩm chất đạo đức không ngừng; luôn nỗ lực hoàn thiện và nâng cao trình độ chuyên môn; hoàn thành xuất sắc các nhiệm vụ về giảng dạy các chương trình và bậc học; tham gia sâu rộng và đạt những thành tích nổi bật trong nghiên cứu khoa học thông qua chủ nhiệm và tham gia các đề tài khoa học các cấp, chủ biên và biên soạn các sách phục vụ đào tạo, công bố các bài báo trên các tạp chí và hội thảo khoa học trong nước và quốc tế, tham gia hoạt động tư vấn chính sách; đồng thời luôn hoàn thành các nhiệm vụ khác do Trường, Khoa và Bộ môn giao. Với vai trò là Trưởng phòng Quản lý Khoa học từ năm 2017, tôi đã góp phần vào sự phát triển mạnh mẽ về nghiên cứu khoa học tại Trường Đại học Kinh tế Quốc dân, đặc biệt là mảng công bố quốc tế. Cụ thể:

Về phẩm chất đạo đức: tôi đã không ngừng học tập và rèn luyện nâng cao phẩm chất đạo đức, trình độ chính trị và luôn giữ tư tưởng vững vàng với vai trò là một đảng viên. Tôi sống chan hòa và tôn trọng các đồng nghiệp và bạn bè. Tôi luôn gìn giữ uy tín và danh dự của một nhà giáo, nêu gương tốt cho người học, tôn trọng và đối xử công bằng với người học, bảo vệ các quyền và lợi ích chính đáng của người học. Tôi cũng luôn chấp hành tốt đường lối chủ trương, chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước; cũng như các quy định của Trường, Khoa và Bộ môn.

Về công tác giảng dạy và hướng dẫn người học: tôi luôn cố gắng hoàn thiện, trau dồi và nâng cao trình độ chuyên môn trong công tác giảng dạy. Tôi luôn áp dụng những phương pháp giảng dạy mới và tiên tiến nhằm nâng cao nghiệp vụ giảng dạy, đáp ứng tốt hơn nữa những yêu cầu của Trường, Khoa và Bộ môn. Tôi luôn giảng dạy theo đúng đề cương được phê duyệt, hỗ trợ tối đa người học trong việc tự học và tiếp cận các nguồn tài

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước
liệu phong phú, và đã đạt được chất lượng cao trong các chương trình đào tạo các cấp và các hệ đào tạo được phân công. Tôi cũng luôn hướng dẫn tận tình và hỗ trợ sinh viên đại học làm nghiên cứu khoa học và chuyên đề tốt nghiệp, các học viên cao học làm luận văn thạc sĩ và các nghiên cứu sinh làm luận án tiến sĩ. Một số nhóm sinh viên tôi hướng dẫn nghiên cứu khoa học đã đạt được giải thưởng cao cấp Trường và cấp Bộ.

Về nghiên cứu khoa học: Tôi đã nghiêm túc tham gia và hoàn thành tốt các nhiệm vụ về khoa học do Trường, Khoa, Bộ môn giao. Tôi cũng đã tích cực nghiên cứu và công bố nhiều bài báo khoa học trên các tạp chí khoa học trong nước và quốc tế, cũng như tại các kỷ yếu hội thảo trong nước và quốc tế. Tôi đã công bố nhiều công trình khoa học trên các Tạp chí khoa học quốc tế thuộc danh mục ISI/Scopus có uy tín, có nhiều Tạp chí có IF rất cao và thuộc phân nhóm Q1. Tôi cũng đã chủ biên và tham gia viết nhiều giáo trình và sách chuyên khảo để phục vụ cho đào tạo đại học và sau đại học. Nhiều sách chuyên khảo do tôi chủ biên và biên soạn đã nhận được sự quan tâm của đông đảo công chúng và đã được gửi tới các đại biểu Quốc hội tham khảo trong một số kỳ họp của Quốc hội. Tôi cũng đã chủ trì và tham gia nhiều đề tài nghiên cứu khoa học cấp Nhà nước, cấp Bộ và cấp Cơ sở. Các đề tài đều đúng hạn và đạt kết quả tốt. Ngoài ra, tôi cũng có cơ hội tham gia đóng góp tư vấn chính sách như là chuyên gia kinh tế quốc gia cho Dự án Hỗ trợ nâng cao năng lực tham mưu, thẩm tra và giám sát chính sách kinh tế vĩ mô do UNDP tài trợ cho Ủy ban Kinh tế của Quốc hội, và là thành viên Nhóm Tư vấn Chính sách kinh tế vĩ mô cho Ủy ban Kinh tế của Quốc hội (giai đoạn 2011-2015); là thành viên Nhóm tư vấn chính sách cho Bộ Tài chính (giai đoạn 2008-2009); là thành viên Hội đồng Khoa học Công nghệ của Bộ Tài chính (từ năm 2021). Tôi cũng đã chủ trì hoạt động viết các Kiến nghị chính sách của Trường Đại học Kinh tế Quốc dân gửi đến Chủ tịch nước, Chủ tịch Quốc hội, Thủ tướng Chính phủ, Ủy ban Kinh tế của Quốc hội, Ban Kinh tế Trung ương và các đại biểu Quốc hội. Những hoạt động nghiên cứu này cũng đã đóng góp quan trọng để tôi nâng cao được chuyên môn, góp phần hoàn thành tốt hơn nữa nhiệm vụ giảng dạy và hướng dẫn tại Trường Đại học Kinh tế Quốc dân.

Như vậy, tôi nhận thấy mình đã có đầy đủ các tiêu chuẩn của Nhà giáo. Tôi không ngừng học tập, rèn luyện để nâng cao phẩm chất đạo đức, năng lực giảng dạy, năng lực nghiên cứu khoa học, năng lực quản lý, để đáp ứng tốt hơn nữa yêu cầu đổi mới của đất nước, của ngành, và của Trường Đại học Kinh tế Quốc dân.

2. Thời gian, kết quả tham gia đào tạo, bồi dưỡng từ trình độ đại học trở lên:

- Tổng số năm thực hiện nhiệm vụ đào tạo: **16 năm 6 tháng** (không tính thời gian học Tiến sĩ tại nước ngoài).

- Khai cụ thể ít nhất 06 năm học, trong đó có 03 năm học cuối liên tục tính đến ngày hết hạn nộp hồ sơ (ứng viên GS chỉ khai 3 năm cuối liên tục sau khi được công nhận PGS):

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước

TT	Năm học	Số lượng NCS đã hướng dẫn		Số lượng ThS/CK2/BSNT đã hướng dẫn	Số đồ án, khóa luận tốt nghiệp ĐH đã HD	Số giờ chuẩn gd trực tiếp trên lớp		Tổng số giờ chuẩn gd trực tiếp trên lớp/số giờ chuẩn gd quy đổi/số giờ chuẩn định mức (*)
		Chính	Phụ			ĐH	SĐH	
1								VD: 140/290/270
2								
3								
03 năm học cuối								
4	2019-2020	1		1		144	48	192/547,6/67,5
5	2020-2021	1		1		192	0	192/547,6/67,5
6	2021-2022	0		1		192	0	192/371,6/67,5

Ghi chú: Trong 3 năm học cuối, ứng viên là giảng viên giữ chức vụ quản lý là Trưởng phòng Quản lý Khoa học, vì vậy định mức giờ chuẩn của ứng viên là 25% định mức giờ chuẩn cho giảng viên, tương đương với **67,5 giờ**.

(*) - Trước ngày 25/3/2015, theo Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên ban hành kèm theo Quyết định số 64/2008/QĐ-BGDĐT ngày 28/11/2008, được sửa đổi bổ sung bởi Thông tư số 36/2010/TT-BGDĐT ngày 15/12/2010 và Thông tư số 18/2012/TT-BGDĐT ngày 31/5/2012 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT.

- Từ 25/3/2015 đến trước ngày 11/9/2020, theo Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên ban hành kèm theo Thông tư số 47/2014/TT-BGDĐT ngày 31/12/2014 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT;

- Từ ngày 11/9/2020 đến nay, theo Quy định chế độ làm việc của giảng viên cơ sở giáo dục đại học ban hành kèm theo Thông tư số 20/2020/TT-BGDĐT ngày 27/7/2020 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT; định mức giờ chuẩn giảng dạy theo quy định của thủ trưởng cơ sở giáo dục đại học, trong đó định mức của giảng viên thỉnh giảng được tính trên cơ sở định mức của giảng viên cơ hữu.

3. Ngoại ngữ:

3.1. Tên ngoại ngữ thành thạo phục vụ chuyên môn: **Tiếng Anh**

a) Được đào tạo ở nước ngoài:

- Học ĐH ; Tại nước:; Từ năm đến năm

- Bảo vệ luận văn ThS hoặc luận án TS hoặc TSKH ; tại nước: **Vương quốc Anh**, năm **2004-2007**.

b) Được đào tạo ngoại ngữ trong nước:

- Viện Đại học Mở Hà Nội cấp bằng tốt nghiệp ĐH ngoại ngữ tiếng Anh (hệ tại chức), số bằng: **B042507**; năm cấp: **28/1/2000**.

c) Giảng dạy bằng tiếng nước ngoài:

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước

- Giảng dạy bằng ngoại ngữ: **Tiếng Anh.**

- Nơi giảng dạy: Các chương trình đào tạo sau tại Trường Đại học Kinh tế Quốc dân:

- Chương trình cử nhân giảng dạy bằng tiếng Anh tại Viện Đào tạo Tiên tiến, Chất lượng cao và POHE
- Chương trình cử nhân giảng dạy bằng tiếng Anh tại Viện Thương mại và Kinh tế Quốc tế
- Chương trình cử nhân hợp tác giữa Trường Đại học Kinh tế Quốc dân và Đại học West England (Vương quốc Anh) tại Viện Đào tạo Quốc tế
- Chương trình cử nhân giảng dạy bằng tiếng Anh tại Viện Quản trị Kinh doanh
- Chương trình Cao học Việt Nam – Hà Lan tại Trường Đại học Kinh tế Quốc dân

d) Đối tượng khác ; Diễn giải:

3.2. Tiếng Anh (văn bằng, chứng chỉ):

4. Hướng dẫn NCS, HVCH/CK2/BSNT đã được cấp bằng/có quyết định cấp bằng

TT	Họ tên NCS hoặc HVCH/CK2/BSNT	Đối tượng		Trách nhiệm hướng dẫn		Thời gian hướng dẫn từ ... đến ...	Cơ sở đào tạo	Ngày, tháng, năm được cấp bằng/có quyết định cấp bằng
		NCS	HVCH/CK2/BSNT	Chính	Phụ			
1	Nguyễn Thị Hồng Nhâm	X		X		2016-2020	Trường Đại học Kinh tế Quốc dân	QĐ số 228/QĐ-ĐHKTQD ngày 27/3/2020
2	Phạm Cao Bằng	X		X		2014-2019	Trường Đại học Kinh tế Quốc dân	QĐ số 2604/QĐ-ĐHKTQD ngày 25/10/2019
3	Đỗ Khắc Hường	X			X	2013-2018	Trường Đại học Kinh tế Quốc dân	QĐ số 2294/QĐ-ĐHKTQD ngày 30/8/2018
4	Đoàn Việt Dũng	X			X	2009-2015	Trường Đại học Kinh tế Quốc dân	QĐ số 1511/QĐ-ĐHKTQD ngày 29/7/2015
5	Đặng Văn Dân	X			X	2010-2014	Trường Đại học Kinh tế Quốc dân	QĐ số 1706/QĐ-ĐHKTQD ngày 8/8/2014

Ghi chú: Ứng viên chức danh GS chỉ kê khai thông tin về hướng dẫn NCS.

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước
 Hướng dẫn NCS theo các hướng nghiên cứu sau:

- **Hướng nghiên cứu 1:** Số thứ tự [2] (1/5 NCS)
- **Hướng nghiên cứu 2:** Số thứ tự [3], [4] (2/5 NCS)
- **Hướng nghiên cứu 3:** Số thứ tự [1], [5] (2/5 NCS)

5. Biên soạn sách phục vụ đào tạo từ trình độ đại học trở lên:

Ghi chú: Ở mỗi giai đoạn trước khi được công nhận chức danh PGS và sau khi được công nhận chức danh PGS, ứng viên chia thành 2 mục: Sách chuyên khảo; và Giáo trình và sách hướng dẫn. Trong mỗi mục, các sách được sắp xếp theo thứ tự thời gian.

TT	Tên sách	Loại sách (CK, GT, TK, HD)	Nhà xuất bản và năm xuất bản	Số tác giả	Chủ biên	Phần biên soạn (từ trang ... đến trang)	Xác nhận của cơ sở GDĐH (số văn bản xác nhận sử dụng sách)
I TRƯỚC KHI ĐƯỢC CÔNG NHẬN PGS							
I.1 Sách chuyên khảo							
1	Nợ công và tính bền vững ở Việt Nam: Quá khứ, Hiện tại và Tương lai	CK	NXB Trí Thức, 2013	4	Thành viên	15-39	ĐH KTQD
2	Báo cáo kinh tế vĩ mô 2012: Từ bất ổn vĩ mô đến con đường tái cơ cấu	CK	NXB Trí Thức, 2012	8	Đồng chủ biên (2 chủ biên)	19-33; 52-116; 183-211	ĐH KTQD
3	Báo cáo thường niên kinh tế Việt Nam 2010: Lựa chọn đề tăng trưởng bền vững	CK	NXB Trí Thức, 2010	11	Thành viên	99-105; 111-125; 134-136; 151-156, 161-162, 178	ĐH KTQD
I.2 Giáo trình và sách hướng dẫn							
4	Giáo trình trọng điểm Kinh tế học (tập I)	GT	NXB ĐH Kinh tế Quốc dân, 2012	8	Thành viên	3-43; 95-124; 379-410	ĐH KTQD
5	Bài tập Kinh tế Quản lý	HD	NXB ĐH Kinh tế Quốc dân, 2012	6	Thành viên	21-29; 52-70	ĐH KTQD
6	Hướng dẫn thực hành Kinh tế học vi mô II	HD	NXB Lao động-Xã hội, 2009	7	Thành viên	73-106; 247-284	ĐH KTQD
7	Bài tập Kinh tế vi mô	HD	NXB Lao động-Xã hội, 2004	8	Thành viên	119-133	ĐH KTQD

II SAU KHI ĐƯỢC CÔNG NHẬN PGS							
II.1 Sách chuyên khảo							
8	Đánh giá Kinh tế Việt Nam thường niên 2021: Ổn định kinh tế vĩ mô và lành mạnh tài chính trong bối cảnh đại dịch COVID-19	CK	NXB Đại học Kinh tế Quốc dân, 2022	15	Đồng chủ biên (2 chủ biên)	22-56; 75-111; 127-137; 140-147; 164-174; 239-244; 249-255	ĐH KTQD
9	Năng suất lao động của Việt Nam trong bối cảnh kinh tế số	CK	NXB Chính trị quốc gia Sự thật, 2021	3	Chủ biên	9-122; 149-175	ĐH KTQD
10	Đánh giá Kinh tế Việt Nam thường niên 2020: Ứng phó và vượt qua đại dịch COVID-19, hướng tới phục hồi và phát triển	CK	NXB Đại học Kinh tế Quốc dân, 2021	15	Đồng chủ biên (4 chủ biên)	22-64; 85-124; 138-145; 253-268-275	ĐH KTQD
11	Các rào cản tài chính, tiền tệ đối với sự phát triển doanh nghiệp Việt Nam	CK	NXB Chính trị quốc gia Sự thật, 2020	17	Chủ biên	9-79; 103-133; 305-333	ĐH KTQD
12	Đánh giá Kinh tế Việt Nam thường niên 2018: Hướng tới chính sách tài khóa bền vững và hỗ trợ tăng trưởng	CK	NXB Đại học Kinh tế Quốc dân, 2019	11	Đồng chủ biên (2 chủ biên)	8-44; 61-96; 115-122; 235-252	ĐH KTQD
13	Đánh giá Kinh tế Việt Nam thường niên 2017: Tháo gỡ rào cản đối với sự phát triển của doanh nghiệp	CK	NXB Đại học Kinh tế Quốc dân, 2018	15	Đồng chủ biên (2 chủ biên)	1-27; 39-95; 97-113	ĐH KTQD
14	Hướng tới cán cân thương mại bền vững trong hội nhập quốc tế	CK	NXB Chính trị quốc gia Sự thật, 2017	6	Chủ biên	9-100; 127-200	ĐH KTQD
15	Kinh tế Việt Nam 2016: Tái cơ cấu nền kinh tế gắn với đổi mới mô hình tăng trưởng và vai trò nhà nước kiến tạo phát triển	CK	Nhà xuất bản Đại học Kinh tế Quốc dân, 2017	17	Thành viên	33-100	ĐH KTQD
16	Chuẩn đoán tăng trưởng kinh tế Việt Nam	CK	NXB Thông tin và Truyền thông, 2017	18	Thành viên	161-173	ĐH KTQD
17	Đánh giá kinh tế Việt Nam thường niên 2015 – Trên bậc thềm hội nhập mới	CK	NXB Chính trị quốc gia Sự thật, 2016	8	Chủ biên	21-117	ĐH KTQD
18	An ninh tài chính tiền tệ của Việt Nam trong bối cảnh hội nhập quốc tế	CK	NXB Chính trị quốc gia Sự thật, 2016	17	Đồng chủ biên (2 chủ biên)	1-48; 157-193; 356-408	ĐH KTQD

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước

19	Cán cân thương mại Việt Nam: Những nhân tố ảnh hưởng và Khuyến nghị chính sách	CK	NXB Trí Thức, 2014	4	Chủ biên	13-43; 51-57; 67-106	ĐH KTQD
20	Báo cáo kinh tế vĩ mô Việt Nam 2014– Cải cách thể chế kinh tế: chìa khóa cho tái cơ cấu	CK	NXB Trí Thức, 2014	8	Thành viên	11-91	ĐH KTQD
21	Báo cáo kinh tế vĩ mô Việt Nam – Thách thức còn ở phía trước	CK	NXB Trí Thức, 2014	7	Thành viên	19-76; 121-156	ĐH KTQD
II.2 Giáo trình và sách hướng dẫn							
22	Giáo trình Kinh tế vi mô nâng cao	GT	NXB Đại học Kinh tế Quốc dân, 2022	8	Chủ biên	5-34; 91-109; 159-189; 209-217	ĐH KTQD
23	Bài tập kinh tế vi mô 2	HD	NXB Đại học Kinh tế Quốc dân, 2017	12	Chủ biên	25-41	ĐH KTQD
24	Giáo trình: Ứng dụng một số lý thuyết trong nghiên cứu kinh tế (Dành cho chương trình Tiên tiến sĩ)	GT	NXB Đại học Kinh tế quốc dân, 2015	10	Thành viên	317-352	ĐH KTQD
25	Giáo trình Kinh tế quản lý	GT	NXB Hồng Đức, 2015	10	Thành viên	49-112	ĐH KTQD
26	Bài tập Kinh tế vi mô	HD	NXB Lao động – Xã hội, 2014	8	Thành viên	46-60	ĐH KTQD

Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) sách chuyên khảo do nhà xuất bản có uy tín xuất bản và chương sách do nhà xuất bản có uy tín trên thế giới xuất bản, mà ứng viên là chủ biên sau PGS: **26 sách**

Biên soạn sách theo các hướng nghiên cứu sau:

- **Hướng nghiên cứu 1:** Số thứ tự [2], [3], [9], [14], [15], [16], [17], [19], [20], [21] (10/26 sách)
- **Hướng nghiên cứu 2:** Số thứ tự [1], [8], [10], [12], [18], [24] (6/26 sách)
- **Hướng nghiên cứu 3:** Số thứ tự [4], [5], [6], [7], [11], [13], [22], [23], [25], [26] (10/26 sách)

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước
Lưu ý:

- Chỉ kê khai các sách được phép xuất bản (Giấy phép XB/Quyết định xuất bản/số xuất bản), nộp lưu chiểu, ISBN (nếu có).

- Các chữ viết tắt: CK: sách chuyên khảo; GT: sách giáo trình; TK: sách tham khảo; HD: sách hướng dẫn; phần ứng viên biên soạn cần ghi rõ từ trang.... đến trang..... (ví dụ: 17-56; 145-329).

6. Thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ đã nghiệm thu:

TT	Tên nhiệm vụ khoa học và công nghệ (CT, ĐT...)	CN/PCN/TK	Mã số và cấp quản lý	Thời gian thực hiện	Thời gian nghiệm thu (ngày, tháng, năm)/Xếp loại KQ
I TRƯỚC KHI ĐƯỢC CÔNG NHẬN PGS					
II.1 Đề tài cấp Bộ					
1	Xử lý vận đề bộ hạ bất khả thi trong điều kiện nền kinh tế Việt Nam	CN	B2011.06.05; Đề tài cấp Bộ	2011-2013	17/5/2013 Xếp loại: Tốt
II.2 Đề tài cấp Cơ sở					
2	Chính sách tiền tệ Việt Nam năm 2013	TK	KTQD2013.03TĐ; Đề tài cấp Cơ sở	2013-2014	5/9/2014 Xếp loại: Tốt
3	Sources of Macroeconomic Fluctuations in Vietnam and Policy Implications in the Context of Macroeconomic Stability	CN	T.2012.25; Đề tài cấp Cơ sở	2012-2013	2/8/2013 Xếp loại: Xuất sắc
4	Bảo hiểm xã hội bắt buộc trong các doanh nghiệp ở Việt Nam; Những hạn chế và các khuyến nghị chính sách	CN	CS2009.18; Đề tài cấp Cơ sở	2009-2010	3/6/2010 Xếp loại: Tốt
II SAU KHI ĐƯỢC CÔNG NHẬN PGS					
II.1 Đề tài cấp Nhà nước					
5	Các rào cản tài chính tiền tệ đối với sự phát triển doanh nghiệp Việt Nam: Thực trạng, những vận đề đặt ra và giải pháp khắc phục	CN	KX01.18/16-20; Đề tài cấp Nhà nước	2017-2020	2/6/2020 Xếp loại Đạt
6	An ninh tài chính tiền tệ của Việt Nam trong bối cảnh hội nhập quốc tế	TK	KX01.15/11-15, Đề tài cấp Nhà nước	2014-2016	13/4/2016 Xếp loại: Xuất sắc
7	Nghiên cứu tổng quát về nhập siêu tại Việt Nam và khuyến nghị chính sách nhằm đạt cân bằng cán cân thương mại bền vững vào năm 2020	CN	II4.1-2012.04; Đề tài Quỹ NAFOSTED	2013-2017	7/3/2017 Xếp loại: Đạt

II.2 Đề tài cấp Bộ					
8	Thực trạng và cảnh báo an ninh tài chính tiền tệ Việt Nam giai đoạn 2006-2013	CN	Đề tài nhánh số 4: “Thực trạng và cảnh báo an ninh tài chính tiền tệ Việt Nam giai đoạn 2006-2013”; của Đề tài KX01.15/11-15, Đề tài cấp Nhà nước	2014-2015	24/4/2015 Xếp loại: Tốt
9	Bối cảnh và xu thế kinh tế và tài chính thế giới, cam kết hội nhập kinh tế thế giới của Việt Nam giai đoạn 2014-2020 và những thách thức đặt ra	CN	Đề tài nhánh số 7: “Bối cảnh và xu thế kinh tế và tài chính thế giới, cam kết hội nhập kinh tế thế giới của Việt Nam giai đoạn 2014-2020 và những thách thức đặt ra”; của Đề tài KX01.15/11-15, Đề tài cấp Nhà nước	2014-2015	24/4/2015 Xếp loại: Tốt
II.3 Đề tài cấp Cơ sở					
10	Đánh giá Kinh tế Việt Nam thường niên 2021: Ổn định kinh tế vĩ mô và lành mạnh tài chính trong bối cảnh đại dịch COVID-19	TK	KTQD.2021.01TĐ; Đề tài trọng điểm cấp Cơ sở	2021-2022	14/3/2022 Xếp loại: Tốt
11	Đánh giá Kinh tế Việt Nam thường niên 2020: Điều hành chính sách kinh tế vượt qua tác động của Covid-19 để phục hồi và phát triển kinh tế	TK	KTQD.2020.01TĐ; Đề tài trọng điểm cấp Cơ sở	2020-2021	15/3/2021 Xếp loại: Tốt
12	Đánh giá Kinh tế Việt Nam thường niên 2019 – Những động lực cải thiện năng suất lao động trong bối cảnh kinh tế số	CN	KTQD.2019.01TĐ; Đề tài trọng điểm cấp Cơ sở	2019-2020	24/3/2020 Xếp loại: Tốt
13	Đánh giá Kinh tế Việt Nam thường niên 2018: Hướng tới chính sách tài khóa bền vững và hỗ trợ tăng trưởng	CN	KTQD.2018.01TĐ; Đề tài trọng điểm cấp Cơ sở	2018-2019	13/3/2019 Xếp loại: Tốt
14	Kinh tế Việt Nam 2017 – Cải thiện khả năng và chi phí tiếp cận yếu tố sản xuất nhằm thúc đẩy sự phát triển của khu vực kinh tế tư nhân	CN	KTQD.2017.01TĐ; Đề tài trọng điểm cấp Cơ sở	2017-2018	5/3/2018 Xếp loại: Tốt
15	Bước khởi động giai đoạn 2016-2020 thực hiện nhiệm vụ tái cấu trúc nền kinh tế và chuyển đổi mô hình tăng trưởng	TK	KTQD2016.01.TĐ; Đề tài trọng điểm cấp Cơ sở	2016-2017	9/3/2017 Xếp loại: Xuất sắc
16	Đánh giá kinh tế Việt Nam 2015 – Trên bậc thêm hội nhập mới	CN	KTQD.2015.01TĐ; Đề tài trọng điểm cấp Cơ sở	2015-2016	7/4/2016 Xếp loại: Tốt

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước
 - Các chữ viết tắt: CT: Chương trình; ĐT: Đề tài; CN: Chủ nhiệm; PCN: Phó chủ nhiệm;
 TK: Thư ký.

Đề tài khoa học theo các hướng nghiên cứu sau:

- **Hướng nghiên cứu 1:** Số thứ tự [3], [7], [9], [12], [15], [16] (6/16 đề tài)
- **Hướng nghiên cứu 2:** Số thứ tự [1], [2], [6], [8], [10], [11], [13] (7/16 đề tài)
- **Hướng nghiên cứu 3:** Số thứ tự [4], [5], [14] (3/16 đề tài)

7. Kết quả nghiên cứu khoa học và công nghệ đã công bố (bài báo khoa học, báo cáo khoa học, sáng chế/giải pháp hữu ích, giải thưởng quốc gia/quốc tế):

7.1.a. Bài báo khoa học, báo cáo khoa học đã công bố:

Ghi chú: Ứng viên sắp xếp thành 2 mục: Mục 1 là Bài báo khoa học công bố trên các **Tạp chí khoa học**, và được chia thành 2 giai đoạn: trước khi được công nhận chức danh PGS và sau khi được công nhận chức danh PGS. Ở mỗi giai đoạn, ứng viên chia thành Bài báo đăng trên tạp chí quốc tế và Bài báo đăng trên tạp chí trong nước. Mục 2 là Bài báo khoa học công bố trên **Kỷ yếu hội thảo khoa học**, và cũng được chia thành 2 giai đoạn: trước khi được công nhận chức danh PGS và sau khi được công nhận chức danh PGS. Ở mỗi giai đoạn, ứng viên chia thành Bài báo đăng trên kỷ yếu hội thảo quốc tế và Bài báo đăng trên kỷ yếu hội thảo quốc gia. Trong mỗi mục nhỏ, các bài báo khoa học được sắp xếp theo thứ tự thời gian. Tác giả chính là tác giả đứng tên đầu tiên trong bài báo hoặc là tác giả liên hệ (corresponding author hoặc co-corresponding author).

7.1.a.1. Bài báo khoa học công bố trên các Tạp chí khoa học

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
I	TRƯỚC KHI ĐƯỢC CÔNG NHẬN PGS							
I.1	Tạp chí quốc tế							
1	Effect of Interest Rate Subsidies on Firm Performance and Investment Behavior during Economic Recession: Evidence from Vietnam	4		Asian Economic Journal (ISSN: 1351-3958, eISSN: 1467-8381)	ISI (SSCI); IF=0.743; Q3		Vol 27; Iss 2; 185-207	6/2013
2	Informal employment in the formal sector: wages and social security tax evasion in Vietnam	2		Journal of the Asia Pacific Economy (ISSN 1354-7860, eISSN 1469-9648)	ISI (SSCI); IF=0.971; Q2		Vol 17; Iss 4; 616-631	12/2012

3	Productivity analysis for Vietnam's textile and garment industry	3		The Philippines Review of Economics (ISSN: 1655-1516)			Vol XLIII; Iss 1; 131-166	6/2006
I.2 Tạp chí trong nước								
4	Investigations of Sources of Macroeconomic Fluctuations in Vietnam	1	X	Vietnam's Socio-Economic Development (ISSN: 0868-359X)			70; 16-43	7/2013
5	Biên động tỷ giá hối đoái ở Việt Nam và ảnh hưởng của các nhân tố đặc thù	1	X	Kinh tế và Dự báo (ISSN: 0866-7120)			547; 11; 20-23	6/2013
6	Bộ ba bất khả thi tại Việt Nam – Cách xử lý và đánh giá tác động	1	X	Quản lý Kinh tế (ISSN: 1859-039X)			53; 3-12	6/2013
7	Tái cơ cấu nền kinh tế: Góc nhìn từ khung phân tích những nền tảng tăng trưởng	1	X	Kinh tế và Phát triển (ISSN: 1859-0012)			190; 21-30	4/2013
8	Các biện pháp vô hiệu hóa trong ràng buộc bộ ba bất khả thi tại Việt Nam – Đánh giá và những khuyến nghị chính sách	1	X	Kinh tế và Phát triển (ISSN: 1859-0012)			187; 30-36	1/2013
9	Nhập siêu – góc nhìn từ mô hình tăng trưởng và năng lực cạnh tranh quốc gia	1	X	Nghiên cứu kinh tế (ISSN: 0866-7489)			414; 11: 3-15	11/2012
10	Kiểm định “Bộ ba bất khả thi” ở Việt Nam và hàm ý cho lựa chọn chính sách trong ngắn và dài hạn	1	X	Kinh tế và Phát triển (ISSN: 1859-0012)			Số đặc biệt tháng 9; 4-10	9/2012
11	Nhận diện rủi ro hệ thống ngân hàng và những khuyến nghị cho quá trình tái cấu trúc hệ thống	1	X	Kinh tế và Phát triển (ISSN: 1859-0012)			174; 28-33	12/2011
12	Nhận diện và lý giải hành vi bầy đàn trên thị trường chứng khoán Việt Nam giai đoạn 2002-2011	1	X	Kinh tế và Dự báo (ISSN: 0866-7120)			506; 18; 18-22	9/2011
13	Đầu tư công “lân át” đầu tư tư nhân? Góc nhìn từ mô hình thực nghiệm VECM	1	X	Tài chính (ISSN: 2615-8973)			560; 6: 24-27	6/2011
14	Nhận định lại năng lực cạnh tranh công nghiệp quốc gia	1	X	Tài chính (ISSN: 2615-8973)			551; 9; 33-38, 42	9/2010
15	Hành vi đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc trong các	1	X	Kinh tế và Phát triển			158; 14-20	8/2010

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước

	doanh nghiệp Việt Nam và khuyến nghị chính sách			(ISSN: 1859-0012)				
16	Impact of the 1st economic stimulus package on firm-level performance in Vietnam during the crisis	1	X	Journal of Economics and Development (ISSN: 1859-0020)			38; 35-40	6/2010
17	Tác động của mức độ tập trung thương mại đến tương quan chu kỳ kinh tế giữa Việt Nam và các nước	1	X	Thông tin và Dự báo Kinh tế xã hội (ISSN: 1859-0764)			52; 35-39	4/2010
18	Tương quan chu kỳ kinh tế các nước ASEAN-5 – Hàm ý cho một khu vực đồng tiền chung	1	X	Thông tin và Dự báo Kinh tế xã hội (ISSN: 1859-0764)			37+38; 64-70	1/2009
19	Ứng dụng mô hình SFPPF phân tích ảnh hưởng của cơ cấu sở hữu đến hiệu quả sản xuất của công nghiệp dệt may Việt Nam	1	X	Kinh tế và Phát triển (ISSN: 1859-0012)			Số chuyên đề; 22-25	11/2003
II SAU KHI ĐƯỢC CÔNG NHẬN PGS								
II.1 Tạp chí quốc tế								
20	Global value chains and energy security: Evidence from global sample	2	Tác giả chính	Energy Strategy Reviews (ISSN: 2211-467X, eISSN: 2211-4688)	ISI (SCIE); IF=6.425; Q1		Vol 42; Article No. 100870 https://doi.org/10.1016/j.esr.2022.100870	6/2022
21	How to improve the survivability of environmentally innovative firms: The case of Vietnam's SMEs	3		Journal of Cleaner Production (ISSN: 0959-6526, eISSN: 1879-1786)	ISI (SSCI); IF=9.297; Q1		Vol 362; Article No. 132223 https://doi.org/10.1016/j.jclepro.2022.132223	5/2022
22	Is digitalization a driver to enhance environmental performance? An empirical investigation of European countries	3	Tác giả chính	Sustainable Production and Consumption (ISSN: 2352-5509)	ISI (SSCI); IF=5.032; Q1		Vol 32; 230-247 https://doi.org/10.1016/j.spc.2022.04.002	4/2022

23	Effects of digital public services on trades in green goods: Does institutional quality matter?	2	Tác giả chính	Journal of Innovation & Knowledge (ISSN: 2530-7614, eISSN: 2444-569X)	ISI (SSCI); IF=9.269; Q1	Vol 7; Iss 1; Article No 100168 https://doi.org/10.1016/j.jik.2022.100168	2/2022
24	Is product proximity a driver for better energy security? Global evidence of nonlinear relationships between product proximity and energy security	3		International Journal of Sustainable Development & World Ecology (ISSN: 1350-4509, eISSN: 1745-2627)	ISI (SCIE); IF=3.603; Q1	Vol 29; Iss 4; 366-386 https://doi.org/10.1080/13504509.2022.2025500	1/2022
25	Effects of bribery on natural Resource efficiency in Vietnam: Moderating effects of market competition and credit constraints	3	Tác giả chính	Economic Research-Ekonomska Istraživanja (ISSN: 1331-677X, eISSN: 1848-9664)	ISI (SSCI); IF=3.064; Q2	Open Access https://doi.org/10.1080/1331677X.2021.2013268	12/2021
26	Economic complexity and shadow economy: A multi-dimensional analysis	3	Tác giả chính	Economic Analysis and Policy (ISSN: 0313-5926)	ISI (SSCI); IF=2.497; Q1	Vol 72; 408-422 https://doi.org/10.1016/j.eap.2021.09.011	12/2021
27	Global economic sanctions, global bank linkages and information asymmetry: An evidence from cross-country data	5	Tác giả chính	Global Economy Journal (ISSN: 1553-5304)	ISI (ESCI); Scopus; Q3	Vol 21; Iss 3; Article No 2150011 https://doi.org/10.1142/S2194565921500111	10/2021
28	Global economic sanctions, global value chains and institutional quality: Empirical evidence from cross-country data	5		Journal of International Trade & Economic Development (ISSN: 0963-8199, eISSN: 1469-9559)	ISI (SSCI); IF=1.833; Q2	Vol 31; Iss 3; 427-449 https://doi.org/10.1080/09638199.2021.1983634	10/2021

29	Effects of R&D, networking and leadership's roles on environmental standard certification adoption in Vietnam's SMEs	3	Tác giả chính	Economic Research-Ekonomiska Istraživanja (ISSN: 1331-677X, eISSN: 1848-9664)	ISI (SSCI); IF = 3.064; Q2	Open Access https://doi.org/10.1080/1331677X.2021.1962381	8/2021
30	Effects of bribery on firms' environmental innovation adoption in Vietnam: Mediating roles of firms' bargaining power and credit and institutional constraints	3		Ecological Economics (ISSN: 0921-8009, eISSN: 1873-6106)	ISI (SSCI); IF=5.389; Q1	Vol 185; Article No 107042 https://doi.org/10.1016/j.ecolecon.2021.107042	7/2021
31	Cultural distance and cross-border bank linkages	5	Tác giả chính	Economic Systems (ISSN: 0939-3625, eISSN: 1878-5433)	ISI (SSCI); IF=3.208; Q2	Vol 45; Iss 1; Article No 100854 https://doi.org/10.1016/j.ecosys.2021.100854	3/2021
32	Bribery, export decisions, and institutional constraints: Evidence from cross-country firm-level data	4	Tác giả chính	Economic Analysis and Policy (ISSN: 0313-5926)	ISI (SSCI); IF=2.497; Q2	Vol 69; 585-612 https://doi.org/10.1016/j.eap.2021.01.010	3/2021
33	Determinants of marketing innovation among SMEs in Vietnam: a resource-based and stakeholder perspective	5	Tác giả chính	Innovative Marketing (ISSN: 1814-2427, eISSN: 1816-6326)	Scopus; Q3	Vol 16; Iss 4; 74-90 http://dx.doi.org/10.21511/im.16(4).2020.07	12/2020
34	Determinants and Risk-taking Behavior of Outsourcing Innovation Decision and Intensity in Vietnam: Make, Pure or Hybrid?	6		International Journal of Innovation Management (ISSN: 1363-9196, eISSN: 1757-5877)	ISI (ESCI); Scopus; Q2	Vol 25; Iss 4; Article No 2150048 https://doi.org/10.11	10/2020

							42/S13639 19621500 481	
35	Welfare costs of monetary policy uncertainty in the economy with shifting trend inflation	3		Scottish Journal of Political Economy (ISSN: 0036-9292, eISSN: 1467-9485)	ISI (SSCI); IF=1.017; Q3		Vol 68; Iss 1; 126-154 https://doi.org/10.1111/sjpe.12259	6/2020
36	Welfare consequences of inconsistent monetary policy implementation in Vietnam	3	Tác giả chính	Economic Research- Ekonomiska Istraživanja (ISSN: 1331-677X, eISSN: 1848-9664)	ISI (SSCI); IF=3.064; Q2		Vol 33; Iss 1; 555-578 https://doi.org/10.1080/1331677X.2020.1724172	4/2020
37	Welfare costs of shifting trend inflation: staggered wage and price contracts	3	Tác giả chính	Bulletin of Economic Research (ISSN: 0307-3378, eISSN: 1467-8586)	ISI (SSCI); IF=0.619; Q3		Vol 71; Iss 2; 136-159 https://doi.org/10.1111/boer.12190	4/2019
II.2 Tạp chí trong nước								
38	Tổng quan kinh tế Việt Nam năm 2021 và khuyến nghị chính sách năm 2022	1	X	Kinh tế và Phát triển (ISSN: 1859-0012)			295; 2-13	1/2022
39	Các yếu tố tác động đến hiệu quả kỹ thuật của các doanh nghiệp công nghiệp hỗ trợ nội địa và khuyến nghị trong bối cảnh đại dịch COVID-19	2	X	Kinh tế và Phát triển (ISSN: 1859-0012)			293; 55-66	11/2021
40	Các nhân tố tác động đến tỷ lệ an toàn vốn của các ngân hàng thương mại Việt Nam	2	X	Kinh tế và Phát triển (ISSN: 1859-0012)			290; 34-44	8/2021
41	Đánh giá các chính sách ứng phó với COVID-19 để hỗ trợ nền kinh tế và các khuyến nghị chính sách cho giai đoạn tiếp theo	1	X	Kinh tế và Phát triển (ISSN: 1859-0012)			283; 10-20	1/2021

42	Tác động của kinh tế số đến năng suất lao động doanh nghiệp theo các thành phần kinh tế tại Việt Nam	3	X	Nghiên cứu kinh tế (ISSN: 0866-7489)			8; 507; 3-12	8/2020
43	Tác động của kinh tế số đến năng suất lao động tại các ngành kinh tế của Việt Nam	3	X	Kinh tế và Phát triển (ISSN: 1859-0012)			278; 2-10	8/2020
44	Từ đại dịch COVID-19: Đánh giá nội lực của nền kinh tế Việt Nam	3		Kinh tế và Dự báo (ISSN: 0866-7120)			731; 13; 30-33	5/2020
45	Tác động của COVID-19 đến nền kinh tế - Những đánh giá ban đầu và hàm ý chính sách	2	X	Kinh tế và Phát triển (ISSN: 1859-0012)			274; 23-30	4/2020
46	Kinh tế Việt Nam năm 2019 và Triển vọng năm 2020	1	X	Kinh tế và Phát triển (ISSN: 1859-0012)			271; 2-18	1/2020
47	Measuring the determinants of banking credit accessibility for small and medium enterprises in Vietnam with multilogistic model	3	X	Journal of Economics and Development (ISSN: 1859-0020)			Special Issue 2020; 28-43	2020
48	Yếu tố tác động đến nhu cầu tiếp cận nguồn tín dụng chính thức của Doanh nghiệp nhỏ và vừa	2	X	Tài chính (ISSN: 2615-8973)			718; 106-110	12/2019
49	Determinants of the accessibility of Vietnamese enterprises to capital from banks and credit institutions	2		Journal of Economics and Development (ISSN: 1859-0020)			Volume 21; 81-95	2019
50	Kinh tế Việt Nam năm 2018 và triển vọng năm 2019	2		Kinh tế và Phát triển (ISSN: 1859-0012)			259; 2-16	1/2019
51	Cơ cấu kinh tế và phát thải nhà kính ở Việt Nam	3	X	Nghiên cứu kinh tế (ISSN: 0866-7489)			482; 7; 14-20	7/2018
52	Đánh giá tác động của tăng thuế gián thu đến nền kinh tế	4	X	Nghiên cứu kinh tế (ISSN: 0866-7489)			480; 5; 3-14	5/2018
53	Triển vọng kinh tế Việt Nam năm 2018	1	X	Khoa học và Công nghệ Việt Nam			709; 4; 4-6	3/2018

				(ISSN: 1859-4794)				
54	Kinh tế Việt Nam năm 2017 và triển vọng năm 2018	2		Kinh tế và Phát triển (ISSN: 1859-0012)			246; 2-15	12/2017
55	Tài chính, tiền tệ 8 tháng đầu năm 2017 và khuyến nghị chính sách	2		Kinh tế và Dự báo (ISSN: 0866-7120)			28+29; 74-76	10/2017
56	Các yếu tố tác động đến cán cân thương mại Việt Nam giai đoạn 1997-2015-Thực nghiệm từ mô hình VECM	1	X	Kinh tế và Phát triển (ISSN: 1859-0012)			234; 21-30	12/2016
57	Việt Nam sẽ đối diện với thách thức gì từ quá trình hội nhập kinh tế sâu rộng hiện nay	1	X	Kinh tế và Dự báo (ISSN: 0866-7120)			3; 42-45	2/2016
58	Dynamics of business cycles in Vietnam: A comparison with Indonesia and the Philippines	2	X	Vietnam's Socio-Economic Development (ISSN: 0868-359X)			84; 3-23	1/2016
59	Đánh giá an ninh tài chính Việt Nam thông qua các chỉ tiêu an toàn tài chính giai đoạn 2006-2014	2		Kinh tế và Phát triển (ISSN: 1859-0012)			216 (II); 2-14	6/2015
60	Tự do hóa tài khoản vốn và ổn định tài chính trong bối cảnh hội nhập	2	X	Khoa học và Công nghệ Việt Nam (ISSN: 1859-4794)			1; 5; 26-33	5/2015
61	Đánh giá quy mô và cơ cấu phân bổ vốn đầu tư công tại Việt Nam hiện nay	2	X	Kinh tế và Phát triển (ISSN: 1859-0012)			213; 14-25	3/2015
62	Đánh giá khả năng phục hồi của các nền kinh tế và khuyến nghị chính sách	1	X	Kinh tế và Dự báo (ISSN: 0866-7120)			3; 40-44	2/2015
63	Thâm hụt thương mại – Phân tích từ cách tiếp cận liên thời kỳ	1	X	Kinh tế và Phát triển (ISSN: 1859-0012)			209; 69-81	11/2014
64	Đánh giá một số vấn đề chính sách tỷ giá giai đoạn hiện nay	1	X	Nghiên cứu kinh tế (ISSN: 0866-7489)			438; 11; 39-50	11/2014
65	Đánh giá về việc phối hợp điều hành giữa chính sách	2		Kinh tế và Phát triển (ISSN: 1859-0012)			200; 38-45	2/2014

tài khoá và chính sách tiền tệ							
--------------------------------	--	--	--	--	--	--	--

7.1.a.2. Bài báo khoa học công bố trên Kỷ yếu hội thảo khoa học

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
III TRƯỚC KHI ĐƯỢC CÔNG NHẬN PGS								
III.1 Hội thảo quốc tế								
66	Sources of macroeconomic fluctuations in Thailand and policy implications	2	X	Kỷ yếu Hội thảo quốc tế: “Các vấn đề kinh tế - xã hội và nhân văn trong phát triển vùng và đô thị”, ISBN: 978-604-927-716-0			39-53	3/2013
67	Xử lý “Bộ ba bất khả thi” ở Việt Nam và bài học kinh nghiệm cho Lào	1	X	Kỷ yếu Hội thảo quốc tế: “Hợp tác kinh tế Việt Nam – Lào: phát triển một số ngành kinh tế mũi nhọn tới năm 2020”, ISBN: 978-604-927-209-7			261-273	10/2012
III.2 Hội thảo quốc gia								
68	Thặng dư cán cân thanh toán và gia tăng dự trữ ngoại hối – Rủi ro từ góc nhìn Bộ ba bất khả thi	1	X	Kỷ yếu Hội thảo quốc gia: “Diễn đàn Kinh tế mùa xuân: Kinh tế Việt Nam 2013; Tái cơ cấu nền kinh tế: Một năm nhìn lại”, ISBN: 978-604-908-790-5			253-274	2013
69	Thực trạng kiểm soát tài khoản vốn tại Việt Nam và khuyến nghị cho giai đoạn 2013-2015	2		Kỷ yếu Hội thảo quốc gia: “Nhìn lại nửa chặng đường phát triển KT-XH 5 năm 2011 - 2015 và những điều chỉnh chiến lược”, ISBN: 978-604-927-747-4			135-153	9/2013
70	Xử lý Bộ ba bất khả thi và các biện pháp vô hiệu hóa tại Việt Nam	1	X	Kỷ yếu Hội thảo quốc gia: “Kinh tế Việt Nam 2012-2013 - tại cơ cấu DN và cân đối vĩ mô”, GPXB: 181-2013/CXB/01-02/ĐHKQTĐ			103-118	1/2013

71	Đầu tư công và đầu tư tư nhân- Góc nhìn mới từ những bằng chứng thực nghiệm	1	X	Kỷ yếu Hội thảo quốc gia: “Việt Nam sau 5 năm gia nhập WTO: Các phương diện kinh tế, quản trị, tài chính và luật pháp”, GPXB: 1163-2012/CXB/01-12/KTTPHCM			123-135	10/2012
72	Nhận định lại năng lực cạnh tranh công nghiệp quốc gia để tái cấu trúc kinh tế trong giai đoạn mới	1	X	Kỷ yếu Hội thảo quốc gia: “Hội thảo Mô hình tăng trưởng kinh tế Việt Nam: Thực trạng và lựa chọn cho giai đoạn 2011 – 2020”, ISBN: 978-604-909-360-9			254-268	6/2010
IV SAU KHI ĐƯỢC CÔNG NHẬN PGS								
IV.1 Hội thảo quốc tế								
73	Determinants of total factor productivity of domestic supporting industry firms in Vietnam	2		Kỷ yếu Hội thảo quốc tế "International Conference on Social Economic and Environmental Issues in Development – (ICSEED 15th)", ISBN: 978-604-79-3205-4			155-166	6/2022
74	Determinants of technical efficiency of domestic supporting industry firms in Vietnam	2		Kỷ yếu Hội thảo quốc tế: “The 4 th International Conference on Contemporary Issues in Economics, Management and Business (4 th CIEMB 2021)”, ISBN: 978-604-330-104-5			600-616	11/2021
75	Technical efficiency of supporting industry firms in Vietnam: domestic versus foreign invested firms	2	X	Kỷ yếu Hội thảo quốc tế: “The 3rd International Conference on Contemporary Issues in Economics, Management and Business (3rd CIEMB 2020)”, ISBN: 978-604-79-2605-3			1409-1422	11/2020
76	Twin deficit - a revisit the effects of FDI and	2		Kỷ yếu Hội thảo quốc tế: “The 2nd			860-871	11/2019

	government budget deficit in the new circumstance of Vietnam			International Conference on Contemporary Issues in Economics, Management and Business (2nd CIEMB 2019)", ISBN: 978-604-946-741-7				
77	Restructuring the Vietnamese commercial banking system and the impact to the capital adequacy ratio	2		Kỷ yếu Hội thảo quốc tế: "The 2nd International Conference on Contemporary Issues in Economics, Management and Business (2nd CIEMB 2019)", ISBN: 978-604-946-741-7			165-183	11/2019
78	Long run determinants of Vietnam current account in the international integration circumstance	2	X	Kỷ yếu Hội thảo quốc tế: "1 st International Conference in Contemporary Issues on Economics, Management and Business (1st CIEMB 2018)", ISBN: 978-604-65-3728-1			1142-1157	11/2018
79	Overview of Viet Nam enterprise development in the period 2011 - 2017	2	X	Kỷ yếu Hội thảo quốc tế: "International Conference on Social Economic and Environmental Issues in Development – (ICSEED 9th)", ISBN: 978-604-65-3529-4			855-865	5/2018
IV.2 Hội thảo quốc gia								
80	Đánh giá các yếu tố tác động đến nhu cầu tiếp cận tài chính của doanh nghiệp nhỏ và vừa ở Việt Nam	2	X	Kỷ yếu Hội thảo quốc gia: "Các rào cản tài chính, tiền tệ đối với sự phát triển của Doanh nghiệp Việt Nam. Thực trạng và giải pháp", ISBN: 978-604-65-4554-5			25-44	9/2019
81	Thực trạng kiểm soát tài khoản vốn tại Việt Nam và khả năng ổn định tài chính trong bối cảnh hội nhập	2	X	Kỷ yếu Hội thảo quốc gia: "Khả năng và chi phí tiếp cận tài chính của các doanh nghiệp Việt Nam: Thực trạng			101-124	4/2019

				và Giải pháp”, ISBN: 978-604-65-4170-7				
82	Tổng quan hệ thống ngân hàng tài chính Việt Nam và những khó khăn của các doanh nghiệp khi tiếp cận hệ thống	2	X	Kỷ yếu Hội thảo quốc gia: “Thực trạng hệ thống tài chính tiền tệ và những tác động đến sự phát triển của doanh nghiệp Việt Nam”, ISBN: 978-604-65-3717-5			177-190	9/2018
83	Kinh tế Việt Nam năm 2016 và triển vọng phát triển năm 2017	3		Kỷ yếu Hội thảo quốc gia: “Triển vọng phát triển kinh tế Việt Nam và vai trò của Nhà nước kiến tạo trong hoàn thiện thể chế và môi trường kinh doanh” ISBN: 978-604-946-221-4			15-40	3/2017
84	Hội nhập kinh tế và những thách thức đối với hệ thống tài chính	2	X	Kỷ yếu Hội thảo quốc gia: “Hoàn thiện thể chế cho sự phát triển bền vững hệ thống ngân hàng Việt Nam giai đoạn 2016-2020”, ISBN: 978-604-946-159-0			159-173	9/2016
85	Kinh tế Trung Quốc, việc phá giá NDT và tỷ giá của Việt Nam	2		Kỷ yếu Hội thảo quốc gia: “Kinh tế Việt Nam trước những thách thức mới của hội nhập quốc tế”, ISBN: 978-604-946-028-9			241-251	11/2015
86	Ước lượng Bayesian cho mô hình New-Keynesian DSGE và chính sách tiền tệ ở Việt Nam	2	X	Kỷ yếu Hội thảo quốc gia: “Kinh tế Việt Nam trước những thách thức mới của hội nhập quốc tế”, ISBN: 978-604-946-028-9			268-294	11/2015
87	Phát hiện giai đoạn biến động của thị trường tài chính Việt Nam: Những tín hiệu từ mô hình MSVAR	3	X	Kỷ yếu Hội thảo quốc gia: “An ninh tài chính tiền tệ Việt Nam trong bối cảnh toàn cầu hóa”, ISBN: 978-604-927-961-4			87-103	5/2015
88	Trạng thái chính sách tiền tệ tại Việt Nam: Cách	2	X	Kỷ yếu Hội thảo quốc gia: “An ninh tài chính tiền tệ Việt Nam trong			293-308	5/2015

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước

	tiếp cận từ mô hình VAR cấu trúc			bồi cảnh toàn cầu hóa”, ISBN: 978-604-927-961-4				
89	Đánh giá một số vấn đề chính sách tỷ giá giai đoạn hiện nay	1	X	Kỷ yếu Hội thảo quốc gia: “Kinh tế Việt Nam 6 tháng đầu năm 2014: Những thách thức mới”, ISBN: 978-604-927-803-7			113-127	7/2014

- Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) bài báo khoa học đăng trên tạp chí khoa học quốc tế có uy tín mà UV là tác giả chính sau PGS: **12 bài thuộc danh mục ISI/Scopus – số thứ tự [20], [22], [23], [25], [26], [27], [29], [31], [32], [33], [36], [37].**

Bài báo và báo cáo khoa học theo các hướng nghiên cứu sau:

- **Hướng nghiên cứu 1:** Số thứ tự [1], [7], [9], [13], [14], [17], [18], [20], [22], [23], [24], [26], [27], [28], [38], [44], [45], [46], [50], [51], [53], [54], [56], [57], [58], [61], [62], [63], [66], [68], [69], [71], [72], [78], [83] (35/89 bài báo)
- **Hướng nghiên cứu 2:** Số thứ tự [5], [6], [8], [10], [11], [12], [31], [35], [36], [37], [40], [41], [52], [55], [59], [60], [64], [65], [67], [70], [76], [77], [81], [82], [84], [85], [86], [87], [88], [89] (30/89 bài báo)
- **Hướng nghiên cứu 3:** Số thứ tự [1], [2], [3], [15], [16], [19], [21], [25], [29], [30], [32], [33], [34], [39], [42], [43], [47], [48], [49], [73], [74], [75], [79], [80] (24/89 bài báo)

7.1.b. Bài báo khoa học, báo cáo khoa học đã công bố (Dành cho các chuyên ngành thuộc ngành KH An ninh và KH Quân sự được quy định tại Quyết định số 25/2020/QĐ-TTg)

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Thuộc danh mục tạp chí uy tín của ngành	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
I	Trước khi được công nhận PGS/TS						
1							
2							
...							
II	Sau khi được công nhận PGS/TS						
1							
2							
...							

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước
 - Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) bài báo khoa học đăng trên tạp chí khoa học uy tín của ngành mà UV là tác giả chính sau PGS/TS:

7.2. Bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích

TT	Tên bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích	Tên cơ quan cấp	Ngày tháng năm cấp	Tác giả chính/ đồng tác giả	Số tác giả
1	Chứng nhận đăng ký kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước, số đăng ký 2020-52-526/KQNC	Cục thông tin khoa học và công nghệ quốc gia, Bộ Khoa học và Công nghệ	16/06/2020	Tác giả chính	23
2	Chứng nhận đăng ký kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước, số đăng ký 2017-52-509/KQNC	Cục thông tin khoa học và công nghệ quốc gia, Bộ Khoa học và Công nghệ	15/05/2017	Tác giả chính	7
3	Chứng nhận đăng ký kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước, số đăng ký 2016-52-678/KQNC	Cục thông tin khoa học và công nghệ quốc gia, Bộ Khoa học và Công nghệ	13/06/2016	Đồng tác giả	15

- Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích được cấp, là tác giả chính sau PGS: **03**

7.3. Tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu thể dục thể thao đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế (đối với ngành Văn hóa, nghệ thuật, thể dục thể thao)

TT	Tên tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu TĐTT	Cơ quan/tổ chức công nhận	Văn bản công nhận (số, ngày, tháng, năm)	Giải thưởng cấp Quốc gia/Quốc tế	Số tác giả
1					
2					
...					

- Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu đạt giải thưởng quốc tế, là tác giả chính/hướng dẫn chính sau PGS/TS:

8. Chủ trì hoặc tham gia xây dựng, phát triển chương trình đào tạo hoặc chương trình/dự án/đề tài nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ của cơ sở giáo dục đại học đã được đưa vào áp dụng thực tế:

TT	Chương trình đào tạo, chương trình nghiên cứu ứng dụng KH-CN	Vai trò UV (Chủ trì/Tham gia)	Văn bản giao nhiệm vụ (số, ngày, tháng, năm)	Cơ quan thẩm định, đưa vào sử dụng	Văn bản đưa vào áp dụng thực tế	Ghi chú
I Chủ trì/tham gia đề tài nghiên cứu được đưa vào áp dụng thực tế						
1	Nhiệm vụ mã số KTQD/2019.03CLKTXH, nhiệm vụ 14 “Đánh giá việc thực hiện cơ cấu lại khu vực doanh nghiệp Nhà nước; vai trò chủ đạo, nòng cốt của khu vực kinh tế nhà nước trong phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2011-2020 và quan điểm, phương hướng của giai đoạn 2021-2030, Kế hoạch 5 năm 2021-2025”, thuộc danh mục các chuyên đề phục vụ xây dựng Chiến lược 10 năm 2021-2030 và Kế hoạch 5 năm 2021-2025	Tham gia	QĐ số 368/QĐ-ĐHKQTQD ngày 1/3/2019	Tổ biên tập, Tiểu ban Kinh tế xã hội, Bộ Kế hoạch và Đầu tư	CV số 57/BKHĐT-TBT ngày 7/1/2021	Xác nhận kết quả nghiên cứu được sử dụng vào phục vụ xây dựng Chiến lược phát triển KT-XH 10 năm 2021-2030 và Phương hướng nhiệm vụ phát triển KT-XH 5 năm 2021-2025
2	Đề tài cấp Nhà nước, mã số KX01.18/16-20: “Các rào cản tài chính tiền tệ đối với sự phát triển doanh nghiệp Việt Nam: Thực trạng, những vấn đề đặt ra và giải pháp khắc phục”	Chủ nhiệm	QĐ số 1094/QĐ-BKHCN ngày 8/5/2017	Ban Kinh tế Trung ương	CV số 4155-CV/BKTTW ngày 13/1/2020	Kết quả nghiên cứu của đề tài được sử dụng là tài liệu tham khảo trong quá trình nghiên cứu và hoạch định chính sách của Ban KTTW
3	Đề tài cấp Nhà nước, mã số KX01.15/11-15: “An ninh tài chính tiền tệ của Việt Nam trong bối cảnh hội nhập quốc tế”	Thư ký, Tham gia	QĐ số 2309/QĐ-BKHCN ngày 29/07/2013	Ban Kinh tế Trung ương	CV số 141-CV/BKTTW ngày 18/3/2016	Kết quả nghiên cứu của đề tài được sử dụng là tài liệu tham khảo trong quá trình thực hiện các chức năng, nhiệm vụ của Ban KTTW
II Tham gia phát triển chương trình đào tạo						
4	Chương trình đào tạo Chính sách kinh tế trình độ Thạc sĩ của Trường Đại học Kinh tế Quốc dân	Tham gia	QĐ số 594/QĐ-ĐHKQTQD ngày 20/12/2021	Trường Đại học Kinh tế Quốc dân	QĐ số 11/QĐ-ĐHKQTQD ngày 14/1/2022	Tuyển sinh theo TB số 120/TB-ĐHKQTQD ngày 25/1/2022 về việc tuyển sinh trình độ thạc sĩ năm 2022 (Khóa

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước

						31 – Chương trình thạc sĩ tiêu chuẩn)
5	Đề án mở ngành/chương trình đào tạo mới trình độ đại học của Trường Đại học Kinh tế Quốc dân	Tham gia	QĐ số 1115/QĐ-ĐHKTQD ngày 5/11/2019	Trường Đại học Kinh tế Quốc dân		Tuyển sinh theo QĐ số 1768/QĐ-ĐHKTQD ngày 20/8/2020 về việc Ban hành Đề án tuyển sinh đại học điều chỉnh năm 2020 của Trường Đại học Kinh tế Quốc dân
5.1	Ngành Tài chính doanh nghiệp				QĐ số 39/QĐ-ĐHKTQD ngày 10/1/2020	
5.2	Ngành Tài chính công					
5.3	Ngành Ngân hàng					
5.4	Ngành Kiểm toán				QĐ số 40/QĐ-ĐHKTQD ngày 10/1/2020	
5.5	Ngành Kinh tế học tài chính bằng tiếng Anh				QĐ số 41/QĐ-ĐHKTQD ngày 10/1/2020	
5.6	Ngành Kiểm toán tích hợp chứng chỉ quốc tế				QĐ số 42/QĐ-ĐHKTQD ngày 10/1/2020	
5.7	Ngành Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng tích hợp chứng chỉ quốc tế	QĐ số 43/QĐ-ĐHKTQD ngày 10/1/2020				

C. CAM ĐOAN CỦA NGƯỜI ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN CHỨC DANH:

Tôi cam đoan những điều khai trên là đúng, nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Hà Nội, ngày 29 tháng 06 năm 2022

NGƯỜI ĐĂNG KÝ

Tô Trung Thành